

SỰ HÀI LÒNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỐI VỚI CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ TẠI NHÀ TẬP LUYỆN THỂ THAO PHÚ THỌ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Hiếu Ngân⁽¹⁾

Nguyễn Hoàng Minh Thuận⁽²⁾

Tóm tắt:

Nghiên cứu đo lường sự hài lòng của VĐV đối với chất lượng dịch vụ Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ được tiến hành đánh giá thông qua phỏng vấn sự hài lòng của 307 VĐV theo 5 nhóm yếu tố với 18 biến quan sát liên quan phản ánh chất lượng dịch vụ là: (1) Điều kiện phục vụ, (2) Khoa học công nghệ, (3) Chế độ chính sách, (4) Quản lý, giáo dục và (5) Huấn luyện chuyên môn. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố phản ánh chất lượng dịch vụ của nhà tập chưa được VĐV đánh giá cao, giá trị trung bình của 5 yếu tố chỉ đạt từ 2.7 đến 3.8/5 điểm.

Từ khóa: Sự hài lòng, chất lượng dịch vụ, Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ.

Athletes' satisfaction with service quality at Phu Tho Sports Gymnasium, Ho Chi Minh City

Summary:

Research on measuring athletes' satisfaction with service quality of Phu Tho Sports Gymnasium was conducted to assess the satisfaction of 307 athletes according to 5 groups of factors with 18 related observations reflecting service quality, which are: (1) Service conditions, (2) Science and technology, (3) Policy regimes, (4) Management, education and (5) Professional training. The research results show that the factors reflecting the service quality of the gym are not highly appreciated by athletes, the average value of the 5 factors is only from 2.7 to 3.8/5 points.

Keywords: satisfaction, service quality, Phu Tho Sports Gymnasium.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu hướng hội nhập và phát triển, để hoạt động TDTT phát triển bền vững, cơ sở đào tạo, huấn luyện cần phải đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho người sử dụng. Các đơn vị sự nghiệp TDTT cần có cách nhìn nhận khách quan về chất lượng dịch vụ mình cung cấp, thay vì chỉ quan tâm đến các yếu tố số lượng, chỉ tiêu kỹ thuật..., trước hết cần phải nắm bắt sự hài lòng của người tập luyện đối với các mặt của chất lượng dịch vụ, từ đó tìm ra các biện pháp có tính chiến lược cho quá trình thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

Sau nhiều năm đổi mới, hòa nhịp cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường trong lĩnh vực thể thao, Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ đã xác định chất lượng dịch vụ dành cho VĐV là yếu tố quan trọng hàng đầu quyết định sự thành công của Nhà tập. Kết quả đánh giá sự hài lòng của VĐV đối với chất lượng dịch

vụ sẽ là cơ sở khoa học khách quan cho công tác cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động trong tương lai.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này gồm:

- Phương pháp định tính: Đây là bước nghiên cứu sơ bộ được thực hiện với kỹ thuật thảo luận nhóm và phỏng vấn thử, mục đích nhằm điều chỉnh và bổ sung thang đo.

- Phương pháp định lượng: Đây là bước nghiên cứu chính thức được thực hiện với kỹ thuật phỏng vấn gián tiếp thông qua phiếu khảo sát để thu thập thông tin từ khách thể nghiên cứu. Số liệu thu thập được sẽ xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

Dữ liệu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát là 307 VĐV tập luyện tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ. Thời gian khảo sát từ tháng 03/2021 đến tháng 05/2021.

⁽¹⁾CN, Nhà tập luyện thể thao Phú Thọ

⁽²⁾ PGS.TS, Khoa Quản lý TDTT, Trường ĐH TDTT TP.HCM

Công cụ nghiên cứu

Đánh giá sự hài lòng của vận động viên dựa trên kết quả phỏng vấn theo 05 nhóm yếu tố với 18 biến quan sát liên quan, cụ thể:

+ Nhóm Khoa học và công nghệ (KHCN): 04 biến quan sát.

+ Nhóm Huấn luyện chuyên môn (HLCM): 04 biến quan sát.

+ Nhóm Quản lý, giáo dục (QLGD): 04 biến quan sát.

+ Nhóm Điều kiện phục vụ (ĐKPV): 03 biến quan sát.

+ Nhóm Chế độ chính sách (CĐCS): 03 biến quan sát.

Hình thức trả lời của các biến số trong thang đo Likert theo 5 mức độ (1: Rất không hài lòng;

2: Không hài lòng; 3: Bình thường; 4: Hài lòng và 5: Rất hài lòng).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Từ thang đo Likert với 5 mức độ đã được đề tài xây dựng dựa trên kết quả đánh giá độ tin cậy hệ số Cronbach's Alpha, kết quả kiểm định KMO và kiểm định Bartlett's Test of Sphericity, kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA và kết quả phân tích phương sai ANOVA của các biến quan sát, nghiên cứu tiến hành khảo sát các VĐV đang tập luyện tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ để đánh giá sự hài lòng của VĐV về chất lượng dịch vụ.

1. Thông tin chung về mẫu khảo sát

Kết quả thống kê thông tin về đặc điểm mẫu khảo sát được trình bày cụ thể trong bảng 1.

Bảng 1. Thống kê thông tin chung về mẫu khảo sát

Nội dung		m _i	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	200	65.10
	Nữ	107	34.90
Độ tuổi	Dưới 18 tuổi	51	16.60
	Từ 18 – 35 tuổi	256	83.40
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	198	64.50
	Đã kết hôn	109	35.50
Trình độ học vấn	Dưới THPT	51	16.60
	THPT	234	76.20
	Trung cấp, cao đẳng, đại học	22	7.20
Thu nhập hàng tháng	Từ 5 – dưới 10 triệu	83	27.00
	Từ 10 – Dưới 15 triệu	104	33.90
	Trên 15 triệu	120	39.10
Môn thể thao đang tập luyện của VĐV	Boxing	53	17.30
	Cầu lông	53	17.30
	Cử tạ	42	13.70
	Thể hình	51	16.60
	Judo	42	13.70
	Wushu	66	21.50
Số ngày tập luyện trong tuần	3 ngày	107	34.90
	Trên 3 ngày	200	65.10
Thời gian tham gia tập luyện trong một ngày	Từ 1 giờ 30 phút – dưới 2 giờ	204	66.40
	Trên 2 giờ	103	33.60
Tuyển tập luyện của VĐV	Đội tuyển	120	39.10
	Đội trẻ	104	33.90
	Đội năng khiếu	83	27.00
Số năm tập luyện	Từ 2 năm đến dưới 5 năm	84	27.40
	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	203	66.10
	Trên 10 năm	20	6.50

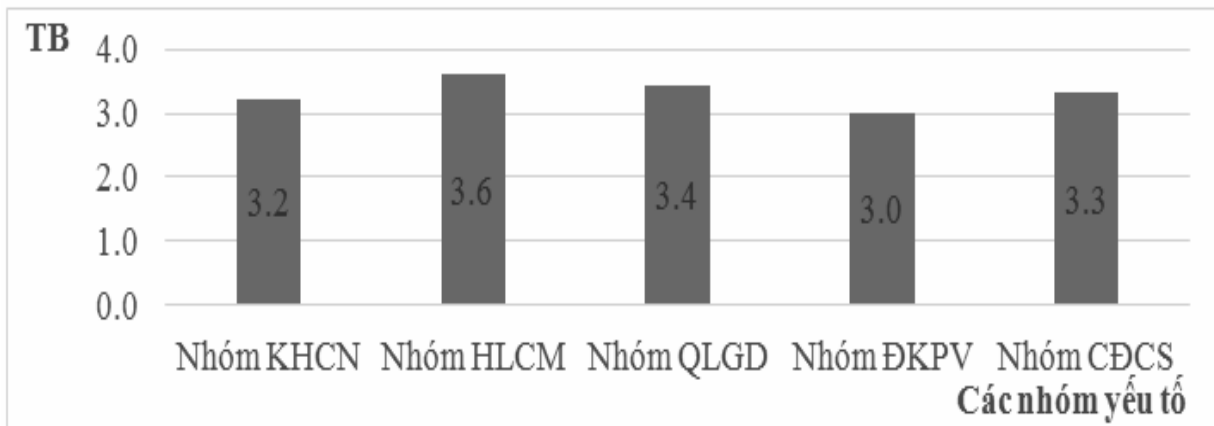
2. Sự hài lòng của VĐV đối với chất lượng dịch vụ tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ

Tổng số phiếu phát ra là 350 phiếu, thu về được là 340 phiếu. Sau khi loại bỏ 33 phiếu bị bỏ trống nhiều mục hoặc trả lời có tính chiều lệ, tổng số phiếu phỏng vấn được đưa vào xử lý là 307 phiếu, đạt tỷ lệ 90.3%. Kết quả thống kê và phân tích phiếu khảo sát được tiến hành theo các nhóm yếu tố phản ánh chất lượng dịch vụ.

2.1. Đánh giá chung của VĐV đối với các nhóm yếu tố phản ánh chất lượng dịch vụ

Kết quả đánh giá của VĐV tham gia phỏng vấn cho thấy các yếu tố chất lượng dịch vụ của Nhà tập chưa được đánh giá cao, đạt mức Bình thường, giá trị trung bình (TB) của 5 nhóm chỉ đạt từ 3.0 đến 3.6 điểm. Trong đó: Nhóm HLCM được đánh giá cao nhất (TB= 3.6), xếp thứ 2 là nhóm QLGD (TB=3.4), tiếp đến là nhóm CĐCS (TB=3.3), tiếp theo là nhóm KHCN (TB=3.2) và nhóm ĐKPV được đánh giá thấp nhất (TB=3.0).

Để tìm hiểu sâu hơn kết quả đánh giá của VĐV về chất lượng dịch vụ, nghiên cứu tiến



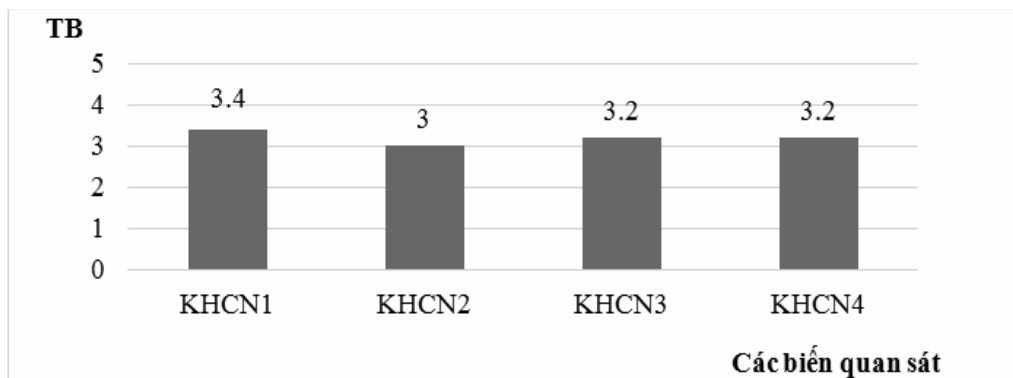
Biểu đồ 1. Kết quả thống kê giá trị TB các biến quan sát trong nhóm yếu tố Chất lượng dịch vụ

hành phân tích giá trị TB của các biến quan sát thuộc từng nhóm.

2.2. Đánh giá của VĐV đối với nhóm nhóm yếu tố Khoa học công nghệ

Qua kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát chỉ được đánh giá ở mức Bình thường. Trong đó nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là “Công tác kiểm tra, tuyển chọn VĐV (KHCN1)” (TB= 3.4). Các vị trí tiếp theo lần

lượt là: Trang bị các kiến thức khoa học trong sinh hoạt, chăm sóc sức khỏe, hồi phục, sử dụng thuốc bổ và thực phẩm chức năng cho VĐV (KHCN3) (TB=3.2); Hỗ trợ của khoa học và công nghệ trong tổ chức thực hiện kế hoạch huấn luyện (KHCN4) (TB=3.2); Kiểm tra y học, khoa học đánh giá trình độ tập luyện của VĐV (KHCN2) được đánh giá thấp nhất (TB=3.0).

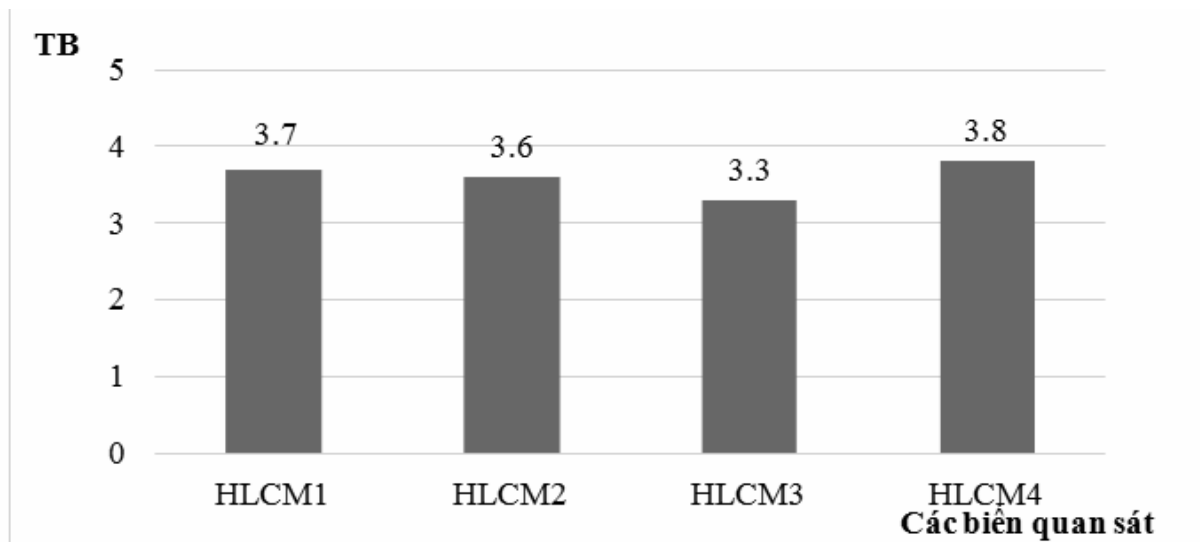


Biểu đồ 2. Kết quả thống kê giá trị TB các biến quan sát trong nhóm yếu tố Khoa học công nghệ

2.3. Đánh giá của VĐV đối với nhóm yếu tố Huấn luyện chuyên môn

Qua kết quả phân tích cho thấy chỉ có 03 biến quan sát được các VĐV đánh giá ở mức độ Hải lòng. Trong đó nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là Công tác huấn luyện chuyên môn tại nhà tập luyện (HLCM4) đạt TB= 3.8; Các vị

trí tiếp theo lần lượt là Công tác kiểm tra, tuyển chọn VĐV (KHCN1) đạt TB=3.7; HLV giúp VĐV hiểu và hoàn thành tốt giáo án huấn luyện (HLCM2) đạt TB=3.6; Thành tích tập luyện và thi đấu của bản thân (HLCM3) được đánh giá thấp nhất, chỉ đạt TB=3.3.

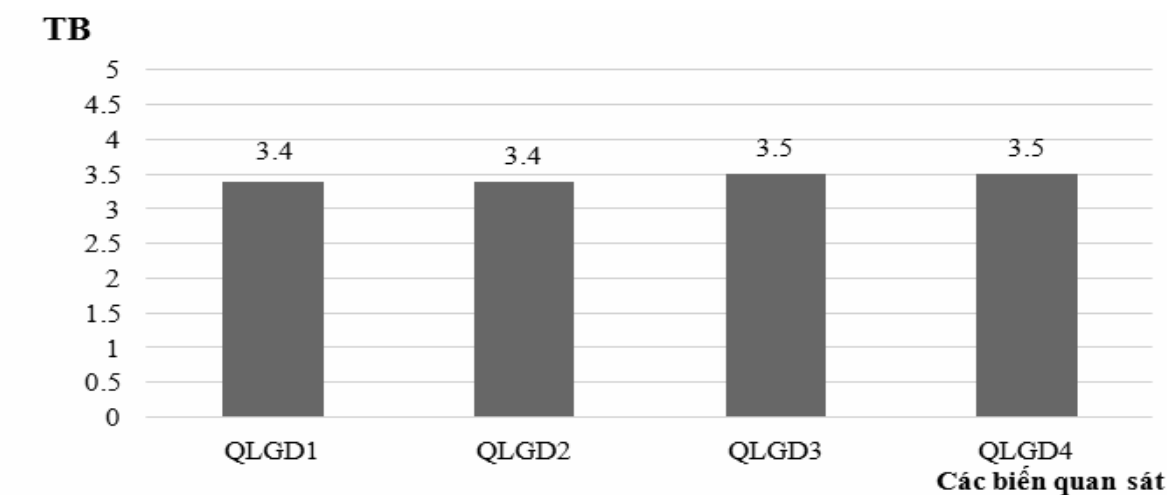


Biểu đồ 3. Kết quả thống kê giá trị TB các biến quan sát trong nhóm yếu tố Huấn luyện chuyên môn

2.4. Đánh giá của VĐV đối với nhóm yếu tố Quản lý, giáo dục

Qua kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát chỉ được đánh giá ở mức độ Bình thường. Trong đó 2 nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là Việc quán triệt chấp hành pháp luật, nội quy, quy định ở Nhà tập luyện và địa phương nơi cư trú (QLGD3) đạt TB=3.5; Sự

quan tâm, giúp đỡ giải quyết những khó khăn trong quá trình tập luyện vất vả và thi đấu của VĐV (QLGD4) đạt TB= 3.5; Các vị trí tiếp theo lần lượt là Sự phối hợp giữa Trung tâm với địa phương và gia đình trong quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng đối với VĐV (QLGD1) đạt TB=3.4; Công tác tổ chức học văn hóa, ngoại ngữ và tin học cho VĐV (QLGD2) đạt TB=3.4.

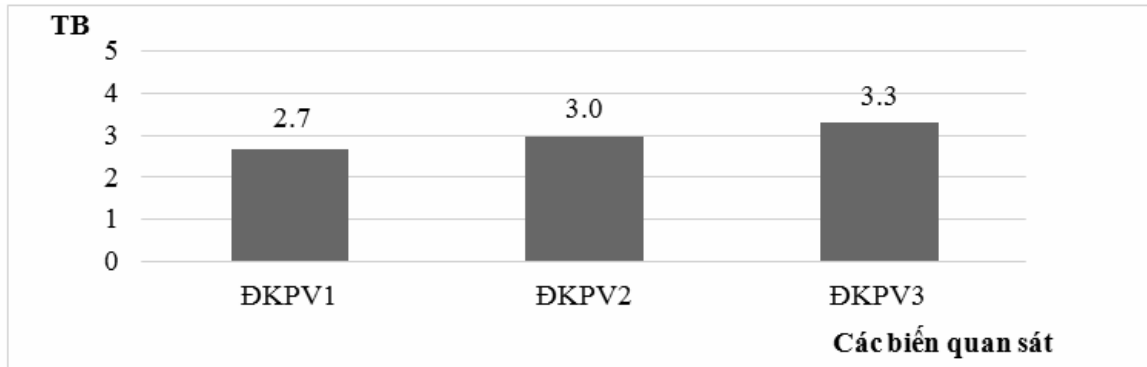


Biểu đồ 4. Kết quả thống kê giá trị TB các biến quan sát trong nhóm yếu tố Quản lý, giáo dục

2.5. Đánh giá của VĐV đối với nhóm yếu tố Điều kiện phục vụ

Qua kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát chưa được VĐV hài lòng. Trong đó, nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là Công tác chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng, chữa trị chấn thương và nhu cầu về thuốc bổ, thực phẩm chức năng cho VĐV (ĐKPV3) đạt

TB=3.3; Xếp thứ hai là Việc quan tâm tổ chức các hoạt động sinh hoạt văn hóa tinh thần, vui chơi thư giãn cho VĐV tại Nhà tập luyện (ĐKPV2) đạt TB=3; Nội dung các VĐV đánh giá thấp nhất trong nhóm này là Công tác phục vụ CSVC, trang thiết bị, dụng cụ tập luyện,... (ĐKPV1) đạt TB=2.7.

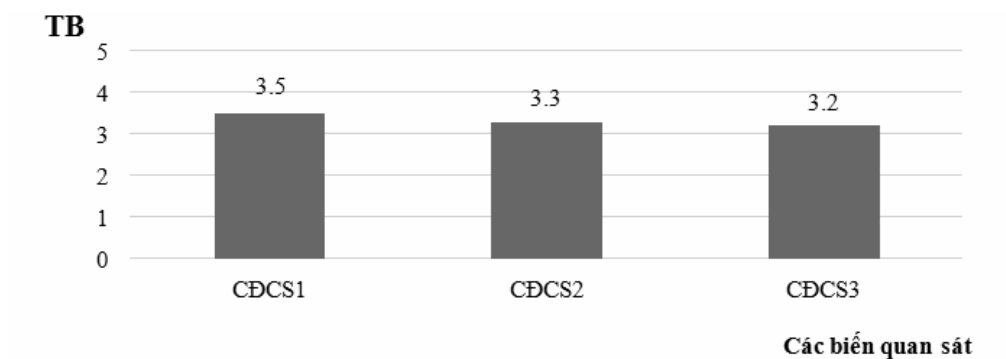


Biểu đồ 5. Kết quả thống kê giá trị TB các biến quan sát trong nhóm yếu tố Điều kiện phục vụ

2.6. Đánh giá của VĐV đối với nhóm yếu tố Chế độ chính sách

Qua kết quả phân tích cho thấy chỉ có 01 biến quan sát được VĐV đánh giá ở mức Hài lòng là Sự quan tâm đến chế độ tiền ăn, tiền công, tiền thưởng và các chế độ ưu đãi trong quá trình tập luyện và thi đấu của VĐV (CĐCS1) đạt

TB=3.5; Các biến quan sát còn lại chỉ được đánh giá ở mức độ Bình thường là Công tác khen thưởng, kỷ luật ở Nhà tập luyện (CĐCS2) đạt TB=3.3 và Việc đảm bảo chế độ chính sách minh bạch, rõ ràng và quyền lợi chính đáng của VĐV theo quy định (CĐCS3) đạt TB=3.2.



Biểu đồ 6. Kết quả thống kê giá trị TB các biến quan sát trong nhóm Chế độ chính sách

2.7. Đánh giá chung về sự hài lòng của VĐV tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ

Kết quả cho thấy VĐV chưa hài lòng về các hoạt động dịch vụ tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ. Qua bảng 2, biến quan sát được VĐV đánh giá cao nhất là Tôi muốn tiếp tục tập luyện lâu dài tại Nhà tập luyện đạt TB=3.27; xếp thứ 2 là Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ đáp ứng

được sự kỳ vọng của tôi đạt TB=3.15; tiếp theo là Tôi hài lòng về chất lượng dịch vụ của Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ đạt TB=3.02; sau cùng, biến quan sát không được đánh giá cao là Tôi cảm thấy Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ là rất lý tưởng cho VĐV tập luyện thể thao chỉ đạt TB=2.45.

Bảng 2. Kết quả thống kê giá trị TB các biến quan sát trong nhóm phản ánh chung sự hài lòng

TT	Nội dung	TB	Độ lệch chuẩn
1	Tôi muốn tiếp tục tập luyện lâu dài tại Nhà tập luyện	3.27	1.034
2	Tôi cảm thấy Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ là rất lý tưởng cho VĐV tập luyện thể thao	2.45	1.154
3	Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ đáp ứng được sự kỳ vọng của tôi	3.15	1.004
4	Tôi hài lòng về chất lượng dịch vụ của Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ	3.02	1.002

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy chất lượng dịch vụ tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ chưa được đánh giá cao. Chỉ có nội dung về “Huấn luyện chuyên môn” được VĐV đánh giá ở mức Hài lòng. Các nội dung “Quản lý, giáo dục”, “Chế độ chính sách”, “Khoa học công nghệ” và “Điều kiện phục vụ” đều chưa được VĐV hài lòng.

Đây là những căn cứ khoa học khách quan giúp các nhà quản lý, các nhà chuyên môn đưa ra những thay đổi phù hợp nhằm khắc phục những hạn chế, góp phần nâng cao sự hài lòng của VĐV tập luyện tại cơ sở trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Howat, G.; Murray, D. (2002), *The Relationships among Service Quality, Value, Satisfaction, and Future Intentions of Customers at an Australian Sports and Leisure Centre*, Sport Management Review.
2. Lee, S.Y. (2017), Service Quality of Sports Centers and Customer Loyalty, *Asia Pacific Journal of Marketing and Logistics*, 29, 870-879.
3. Parasuraman, A., Zeithaml, V.A., Berry, L.L. (1988). SERVQUAL: A Multiple-Item Scale for Measuring Consumer Perception of Service Quality. *Journal of Retailing*, 64(1), 12-40.
4. Lê Văn Tân (2020), Nghiên cứu đánh giá chất lượng dịch vụ, sự hài lòng, lòng trung thành của người tập luyện tại Nhà thi đấu thể dục thể thao Phú Thọ - Thành phố Hồ Chí Minh Dạng thông tin, *Luận văn thạc sĩ giáo dục học*,

Trường Đại học TDTT Tp. Hồ Chí Minh.

6. Nguyễn Thị Mai Trang (2006), “Chất lượng dịch vụ, sự thỏa mãn, lòng trung thành của khách hàng siêu thị tại TPHCM”, *Tạp chí phát triển KH&CN*, tập số 10 năm 2006.

7. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nxb Hồng Đức, Thanh Hóa.

8. Wisniewski, M. (2001), *Assessing Customer Satisfaction with Local Authority Services Using SERVQUAL*, Total Quality Management, 12(7-8), 995-1002.

(Bài nộp ngày 7/7/2022, phản biện ngày 10/8/2022, duyệt in ngày 30/8/2022
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Hoàng Minh Thuận; Email: thuantt2@gmail.com)

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**4. Trương Quốc Uyên**

Nữ vận động viên thể thao thành tích cao Việt Nam thực hiện lời dạy của Bác Hồ

7. Trương Anh Tuấn

Cần tập trung nâng cao năng lực hoạt động của các tổ chức xã hội và xã hội nghề nghiệp về thể dục thể thao

9. Đặng Văn Dũng

Mô hình đảm bảo phương pháp khoa học trong đào tạo vận động viên cấp cao

11. Nhật Minh

Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035

BÀI BÁO KHOA HỌC**14. Nguyễn Văn Phúc**

Mô hình lý thuyết giảm thiểu rủi ro trong hoạt động thể dục thể thao ở Việt Nam

20. Đỗ Hữu Trường; Nguyễn Xuân Thành

Các điều kiện triển khai mô hình phát triển thể dục thể thao quần chúng ở Miền núi

24. Đặng Văn Dũng; Phạm Thế Hưng

Cấu trúc quá trình huấn luyện trong giai đoạn huấn luyện ban đầu cho các câu lạc bộ Cờ vua chuyên nghiệp Miền Bắc

27. Lý Đức Trường; Lương Minh Khánh

Đặc điểm sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Võ – Quyền anh Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh giai đoạn 2015-2019

31. Phạm Văn Thắng; Lê Thị Tuyết Thương; Tôn Thanh Hải

Lựa chọn và xây dựng giải pháp phát triển phong trào tập luyện Bóng rổ cho học sinh các trường Trung học Phổ thông huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

36. Phan Ngọc Thiết Kế

Đánh giá hiệu quả năng lực vận động của trẻ tự kỷ mức độ nhẹ và trung bình tham gia chương trình giáo dục cá biệt hóa

43. Trần Minh Liên

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chung cho nam sinh viên Ngành Công nghệ thông tin Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Thái Nguyên

47. Hà Thị Liên; Egorov V.N; Mironov D.L; Phạm Trường Nam

Động cơ và nhu cầu về hình thức, nội dung hoạt động thể thao của sinh viên Nga và sinh viên nước ngoài

52. Nguyễn Ngọc Minh; Nguyễn Văn Sơn

Thực trạng chất lượng quản lý hoạt động đào tạo Trung tâm Giáo dục thể chất và Thể thao Đại học Quốc gia Hà Nội

58. Lưu Thị Như Quỳnh

Thực trạng tính tích cực học tập môn giáo dục thể chất và tập luyện thể thao ngoại khóa của sinh viên Trường Đại học Hùng Vương

63. Nguyễn Tùng Lâm

Ứng dụng bài tập bổ trợ nâng cao sức mạnh cho nữ sinh viên Đội tuyển Aerobic Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội

67. Trần Hiếu Ngân; Nguyễn Hoàng Minh Thuận

Sự hài lòng của vận động viên đối với chất lượng dịch vụ tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ Thành phố Hồ Chí Minh

73. Trần Vũ Phương

Ảnh hưởng của luyện tập Yoga đến một số chỉ số sinh hóa máu của người tập tại các trung tâm Yoga trên địa bàn Thành phố Tuyên Quang

TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**77. Phạm Tuấn Dũng; Đinh Thị Hằng**

6 bài tập nâng cao thể lực

80. Thẻ lệ viết và gửi bài.

THEORY AND PRACTICE OF SPORTS

4. Truong Quoc Uyen

High-achieving female athletes in Vietnam implement Uncle Ho's teachings

7. Truong Anh Tuan

Focus on improving the operational capacity of social organizations and vocational societies on physical training and sports

9. Dang Van Dung

Model used to ensure scientific method in training high-ranking athletes

11. Nhat Minh

Selecting, training and fostering sports talents and high-achievement sports human resources until 2035

ARTICLES

14. Nguyen Van Phuc

Theoretical model of risk reduction in sport activities in Vietnam

20. Do Huu Truong; Nguyen Xuan Thanh

Conditions for implementing the model of public sport development in the mountainous region

24. Dang Van Dung; Pham The Hung

Structure of the training process during the initial training phase for professional chess clubs in the North

27. Ly Duc Truong; Luong Minh Khanh

Characteristics of graduates majoring in Martial Arts - Boxing of Bac Ninh Sports University in the period 2015-2019

31. Pham Van Thang; Le Thi Tuyet Thuong; Ton Thanh Hai

Select and develop solutions to develop the basketball practice movement for high school students in Dong Anh district, Hanoi City

36. Phan Ngoc Thiet Ke

Effective motor capacity assessment of children suffering mild and moderate autism through a personalized program

43. Tran Minh Lien

Choosing exercises to develop general physical strength for male students majoring in Information Technology at Thai Nguyen University of Information and Communication Technology

47. Ha Thi Lien; Egorov V.N; Mironov D.L; Pham Truong Nam

Motivation and demand of the form and content of sports activities of Russian and foreign students

52. Nguyen Ngoc Minh; Nguyen Van Son

Current status of training activity quality management at the Center of Physical Education and Sports at Vietnam National University, Hanoi

58. Luu Thi Nhu Quynh

Actual status of active learning in the Physical education subject and extracurricular sports practice of students at Hung Vuong University

63. Nguyen Tung Lam

Application of supplementary exercises to improve female students' strength in the School Aerobic Team of Hanoi University of Physical Education and Sports

67. Tran Hieu Ngan; Nguyen Hoang Minh Thuan

Athletes' satisfaction with service quality at Phu Tho Sports Gymnasium, Ho Chi Minh City

73. Tran Vu Phuong

The influence of yoga practice on the change of some blood biochemical indicators of practitioners at Yoga centers in Tuyen Quang city

NEWS - EVENTS AND PEOPLE

77. Pham Tuan Dung; Dinh Thi Hang

6 exercises to improve physical strength

80. Rules of writing and posting.



Tạp chí KHOA HỌC

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO

JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING

Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University

Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

ISSN 1859-4417

**Số 4-2022
(71)**

